

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2021/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non,  
giáo dục phổ thông công lập của thành phố Hà Nội  
năm học 2021-2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ  
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của  
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của  
Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc  
hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí  
học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban  
nhân dân Thành phố về việc Quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo  
dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội  
năm học 2021-2022; báo cáo thẩm tra số 41/BC-HĐND ngày 09 tháng 9 năm  
2021 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; báo cáo giải  
trình, tiếp thu số 252/BC-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân  
dân Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng  
nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội năm học 2021-2022.

**2. Đối tượng áp dụng**

Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội.

**Điều 2. Học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông**

1. Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao).

a) Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên (không bao gồm cơ sở giáo dục tiểu học công lập).

*Đơn vị: đồng/tháng/học sinh*

Cấp học	Mức thu học phí năm học 2021-2022		
	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi
Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	217.000	95.000	24.000
Trẻ em mầm non 05 tuổi, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	155.000	75.000	19.000

b) Quy định mức học phí đối với giáo dục tiểu học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên

Đơn vị: đồng/tháng/học sinh

Cấp học	Mức học phí năm học 2021-2022		
	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi
Tiểu học	155.000	75.000	19.000

Việc quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục tiểu học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ thực hiện 02 chính sách: (1) hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng miễn, giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và các văn bản liên quan; (2) miễn giảm học phí đối với học sinh tiểu học đang theo học tại các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao.

### 2. Quy định mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (Online)

Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (Online) bằng 75% mức thu học phí của các cơ sở giáo dục công lập đã được ban hành (gồm cả cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm chi thường xuyên). Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng (trong trường hợp mức thu học phí trực tuyến của cấp học có số tiền tuyệt đối lẻ đến tiền đồng).

3. Quy định thời gian thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng

Đối với các tháng có thời gian dạy học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học trực tuyến hoặc bố trí thời gian học bù tại trường) không đủ cả tháng, việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau: Trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 14 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu học phí 1/2 tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế); trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng (tương ứng với mức học phí của từng vùng, từng cấp học và hình thức học thực tế). Đảm bảo nguyên tắc tổng số tháng thu học phí không vượt quá 9 tháng/năm học.

**Điều 3: Tổ chức thực hiện****1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố**

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về mức thu học phí năm học 2021-2022 để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

b) Tăng cường công tác chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học, không để xảy ra việc lạm thu và tình trạng dạy thêm, học thêm không đúng quy định của các trường; công tác thu, chi tài chính phải công khai, minh bạch và sử dụng đúng mục đích.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Thời gian thực hiện mức thu học phí: Năm học 2021-2022.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2021, có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2021. /.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Tuấn

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2021/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông  
trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng  
của dịch COVID - 19**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ  
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của  
Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của  
Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc  
hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí  
học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 193/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021 của UBND  
Thành phố về việc Quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học  
sinh phổ thông năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19; báo  
cáo thẩm tra số 40/BC-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Ban Văn hóa -  
Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; báo cáo giải trình, tiếp thu số 252/BC-  
UBND ngày 19 tháng 9 năm 2021 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và  
kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (không bao gồm các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài) trên địa bàn thành phố Hà Nội; học viên đang theo học tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông (không bao gồm các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài), các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hà Nội.

### Điều 2. Cơ chế hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ: Bằng 50% mức học phí hàng tháng của năm học 2021-2022 do HĐND Thành phố quy định đối với cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, tương ứng với hình thức học thực tế của tháng, tương ứng với từng vùng, từng cấp học sau khi đã thực hiện chính sách giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ (Nghị định số 81/2021/NĐ-CP) và các văn bản quy định khác có liên quan, cụ thể:

a) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này (không bao gồm đối tượng đã hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định), mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể:

Đơn vị: đồng/học sinh/tháng

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
1	<b>Đối với cấp học: Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông</b>		
1.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	108.500	81.400
1.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	47.500	35.600
1.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	12.000	9.000

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
2	<b>Đối với cấp học: Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở</b>		
2.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục <sup>a</sup> trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	77.500	58.100
2.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	37.500	28.100
2.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	9.500	7.100

b) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đã được hưởng chế độ giảm 70% học phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể:

Đơn vị: đồng/học sinh/tháng

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
1	<b>Đối với cấp học: Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông</b>		
1.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	32.600	24.500
1.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	14.300	10.700
1.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	3.600	2.700
2	<b>Đối với cấp học: Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở</b>		
2.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	23.300	17.500
2.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	11.300	8.500
2.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	2.900	2.200

c) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đã được hưởng chế độ giảm 50% học phí theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể:

Đơn vị: đồng/học sinh/tháng

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ hàng tháng	
		Trong thời gian học sinh theo học trực tiếp tại trường	Trong thời gian học sinh học trực tuyến (Online)
<b>1</b>	<b>Đối với cấp học: Nhà trẻ, Mẫu giáo (không bao gồm trẻ em mầm non 05 tuổi), Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông</b>		
1.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	54.300	40.700
1.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	23.800	17.900
1.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	6.000	4.500
<b>2</b>	<b>Đối với cấp học: Trẻ em mầm non 05 tuổi, Tiểu học, Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở</b>		
2.1	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành thị (các phường, thị trấn)	38.800	29.100
2.2	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn nông thôn (các xã trừ các xã miền núi)	18.800	14.100
2.3	Học sinh theo học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn các xã miền núi	4.800	3.600

d) Đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này đã hưởng chế độ không phải đóng học phí, miễn học phí theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ và các văn bản liên quan sẽ không được hưởng chế độ hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Thời gian hỗ trợ: Theo thời gian học sinh học thực tế (bao gồm thời gian học theo hình thức trực tiếp, trực tuyến), tối đa không quá 9 tháng/năm học 2021-2022.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Ngân sách cấp Thành phố; riêng năm 2021, từ nguồn dự phòng ngân sách cấp Thành phố năm 2021.

#### 4. Phương thức thực hiện

a) Ủy ban nhân dân Thành phố giao và phân bổ dự toán kinh phí cho Sở Giáo dục và Đào tạo để giao dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và thực hiện chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập thuộc các Bộ, trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu trên địa bàn thành phố Hà Nội (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).



b) Ủy ban nhân dân Thành phố giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ cho các quận, huyện, thị xã, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; giao và phân bổ dự toán kinh phí hỗ trợ học phí cho phòng giáo dục và đào tạo để chi trả cho các đối tượng được hưởng chế độ đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông dân lập, tư thục trên địa bàn theo phân cấp quản lý (chi trả thông qua các cơ sở giáo dục).

### Điều 3. Tổ chức thực hiện

#### 1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về cơ chế hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch COVID-19 để các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hiểu và đồng thuận.

b) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo việc thực hiện chính sách công khai, minh bạch, đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Ngoài các nội dung chính sách nêu trên, đối tượng thụ hưởng chính sách được hưởng các chính sách khác theo quy định của Trung ương và Thành phố nhưng không trùng lặp về nội dung hỗ trợ. Trường hợp trong cùng thời điểm và cùng một nội dung hỗ trợ, đối tượng thụ hưởng chính sách được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ Hai thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2021, có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2021. *Minh*

#### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- VP TU, các Ban Đảng TU;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND; VP UBND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố, Cổng GTĐT Thành phố;
- Lưu: VT. *M*

CHỦ TỊCH



*Nguyễn Ngọc Tuấn*